TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79**/2023/HN-ST
Ngày: 06/3/2022
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Lê Văn Minh**
+ Bà **Nguyễn Thị Kim Chi**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 405/2022/TLST-HN ngày 28/10/2022 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **PHẠM THỊ LỆ H,** sinh năm xxxx; Địa chỉ:, xã T, huyện G, tỉnh G (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: **BÙI CÔNG T,** sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Lệ H trình bày***: chị và anh T cưới nhau vào tháng 06 năm 2001 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2004. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị và anh T ly thân nhau từ tháng 10/2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn

lại được nữa nên chị xin được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Có 03 con chung tên Bùi Triển H, sinh ngày xxxx; Bùi Tuyết A, sinh ngày xxxx và Bùi Ngọc Kim A, sinh ngày xxxx. Hiện cháu Tuyết A và cháu Kim A đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Tuyết A và cháu Kim A, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Bùi Công T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chị H yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Bùi Tuyết A, sinh ngày xxxx và Bùi Ngọc Kim A, sinh ngày xxxx, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở chấp nhận. Đối với cháu Bùi Triển H, sinh ngày xxxx đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H và anh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2004, nay chị H xin ly hôn với anh T. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là "xin ly hôn". Bị đơn anh Bùi Công T trú tại địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị Phạm Thị Lệ H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Công T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Lệ H Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H yêu cầu xin ly hôn với anh T do quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị H và anh T có thời gian ly thân từ tháng 10/2022

đến nay, trong thời gian ly thân chị và anh T đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau. Anh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn không đến để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị H, chứng tỏ anh T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Bùi Triển H, sinh ngày xxxx; Bùi Tuyết A, sinh ngày xxxxvà Bùi Ngọc Kim A, sinh ngày xxxx. Hiện Bùi Triển H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Bùi Tuyết A và Bùi Ngọc Kim A hiện đang sống với chị H, khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Tuyết A và cháu Kim A hiện đang sống ổn định với chị H. Anh T cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu của chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và theo nguyện vọng của cháu Tuyết A và cháu Kim A là được tiếp tục sống với chị H nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Tuyết A và Kim A cho chị H nuôi dưỡng. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: do chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Lệ H.

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Lệ H được ly hôn với anh Bùi Công T.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Bùi Tuyết A, sinh ngày xxxxvà Bùi Ngọc Kim A, sinh ngày xxxx cho chị Phạm Thị Lệ H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi lao động được. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị H và anh T có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Lệ H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0028187 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên chị H đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Tân Tây;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Nguyên